

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường;
- Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác.

Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT.

Nhà thầu có thể đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình hoặc không đính kèm chứng chỉ này trong E-HSDT, kể cả trường hợp E-HSMT có yêu cầu nhà thầu phải có chứng chỉ này. Việc nhà thầu không đính kèm chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình không phải là lý do loại bỏ nhà thầu. E-HSDT của nhà thầu vẫn được tiếp tục xem xét, đánh giá và được xét duyệt trúng thầu. Trường hợp trúng thầu, nhà thầu phải xuất trình chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công trình trước khi trao hợp đồng.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. Đối với gói thầu cần xem xét trên cơ sở chú trọng tới các yếu tố kỹ thuật và giá, chủ đầu tư có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không thấp hơn 80% tổng số điểm tối đa về kỹ thuật. E-HSĐT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
1. GIẢI PHÁP KỸ THUẬT, BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THI CÔNG	40	28
1.1. Mức độ đáp ứng về vật liệu chính: Cát, đá, xi măng, sắt, thép, bê tông thương phẩm, gạch ốp lát; Vật tư điện, nước, PCCC; Cửa các loại...	7	
Có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết của đơn vị cung cấp đảm bảo cung cấp tất cả các vật tư, vật liệu chính đáp ứng yêu cầu tiến độ của gói thầu	7	
Có hợp đồng nguyên tắc hoặc cam kết của đơn vị cung cấp nhưng chưa hoàn toàn đầy đủ các vật tư, vật liệu đáp ứng yêu cầu tiến độ của gói thầu	4,9	
Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp	0	
1.2. Mức độ đáp ứng về thiết bị như: Hệ thống điều hòa nhiệt độ, thang máy, PCCC, thiết bị điện nước chống sét, thiết bị PCCC, hệ thống Wifi và Camera, hệ thống mạng và điện thoại nội bộ..	5	
Có bảng kê khai đặc tính, thông số kỹ thuật của thiết bị đáp ứng yêu cầu tại Chương V E-HSMT đáp ứng yêu cầu tiến độ của gói thầu và có tài liệu chứng minh	5	
Nhà thầu có cam kết chất lượng các vật tư thiết bị đáp ứng yêu cầu E-HSMT, khi trình Chủ đầu tư chấp thuận vật liệu đầu vào phải cung cấp các thí nghiệm kiểm định của các đơn vị độc lập có năng lực để kiểm chứng các thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu		
Có bảng kê khai đặc tính, thông số kỹ thuật của thiết bị đáp ứng yêu cầu tại Chương V E-HSMT đáp ứng yêu cầu tiến độ của gói thầu và có tài liệu chứng minh nhưng chưa đầy đủ đối với các loại thiết bị thông dụng	3,5	
Nhà thầu có cam kết chất lượng các vật tư thiết bị đáp ứng yêu cầu E-HSMT, khi trình Chủ đầu tư chấp thuận vật liệu đầu vào phải cung cấp các thí nghiệm kiểm định của các đơn vị độc lập có năng lực để kiểm chứng các thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu		
Không có bảng kê khai đặc tính, thông số kỹ thuật của thiết bị hoặc có nhưng không đầy đủ bảng kê đáp ứng yêu cầu tại Chương V E-HSMT đáp ứng yêu cầu tiến độ của gói thầu và không có tài liệu chứng minh đối với các loại thiết bị yêu cầu không thông dụng hoặc không có cam kết chất lượng các vật tư thiết bị đáp ứng yêu cầu E-HSMT, khi trình Chủ đầu tư chấp thuận vật liệu đầu vào phải cung cấp các thí nghiệm kiểm định của các đơn vị độc lập có năng lực để kiểm chứng các thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu	0	
1.3. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công chủ yếu cho các công tác chính - Công tác chuẩn bị thi công; - Thi công phân cọc; - Thi công phân móng; - Thi công phần chống mối; - Thi công phần kết cấu thân;	16	

Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
<ul style="list-style-type: none"> - Thi công phần hoàn thiện; - Thi công phần cấp điện, chiếu sáng; - Thi công phần cấp thoát nước; - Thi công phần PCCC; - Thi công bể nước ngầm. - Thi công phần hệ thống mạng máy tính, điện thoại nội bộ, Camera giám sát, Âm thanh - Thi công phần hệ thống điều hòa, thông gió 		
Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công hợp lý, khả thi phù hợp với yêu cầu E-HSMT	16	
Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công nhưng chưa hoàn toàn hợp lý với yêu cầu E-HSMT	11,2	
Không có giải pháp kỹ thuật hoặc có giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công nhưng không hợp lý, không phù hợp với yêu cầu E-HSMT	0	
1.4. Tổ chức mặt bằng công trường <ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết, chất thải, bố trí công ra vào; - Bố trí rào chắn, biển báo... xung quanh công trình; - Giải pháp cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc, tiêu thoát nước, an toàn giao thông trong quá trình thi công. 	6	
Có thiết kế Mặt bằng bố trí công trường đầy đủ theo yêu cầu trên và thuyết minh hợp lý, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật	6	
Có thiết kế Mặt bằng bố trí công trường nhưng chưa đầy đủ theo yêu cầu trên và thuyết minh tương đối hợp lý, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	4,2	
Không thể hiện hoặc có thể hiện nhưng không hợp lý, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.	0	
1.5. Hệ thống tổ chức Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường: Các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn...; Các tổ đội thi công.	6	
Có sơ đồ hệ thống tổ chức tại công trường thể hiện đầy đủ các bộ phận Thuyết minh sơ đồ nêu rõ vai trò, trách nhiệm các bộ phận, các biện pháp để vận hành bộ máy quản lý công trình. Sự kết hợp giữa các bộ phận trong quản lý và điều hành thi công hợp lý và hiệu quả.	6	
Có sơ đồ hệ thống tổ chức tại công trường nhưng thể hiện chưa đầy đủ các bộ phận Thuyết minh sơ đồ nêu rõ vai trò, trách nhiệm các bộ phận, các biện pháp để vận hành bộ máy quản lý công trình. Sự kết hợp giữa các bộ phận trong quản lý và điều hành thi công hợp lý và hiệu quả.	4,2	
Không có sơ đồ hoặc sơ đồ hệ thống tổ chức tại công trường của nhà thầu không hợp lý, hiệu quả Thuyết minh sơ đồ không nêu rõ vai trò, trách nhiệm các bộ phận, các biện pháp để vận hành bộ máy quản lý công trình. Sự kết hợp giữa các bộ phận trong quản lý và điều hành thi công không hợp lý và hiệu quả.	0	
2. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG	30	21
2.1. Quy trình quản lý chất lượng	10	
Có quy trình quản lý chất lượng và thuyết minh trong đó nêu cụ thể, đầy đủ, hợp lý và logic về chức năng nhiệm vụ các bộ phận, cá nhân của nhà thầu	10	

Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
chịu trách nhiệm quản lý chất lượng;		
Có quy trình quản lý chất lượng và thuyết minh nhưng chưa hoàn toàn đầy đủ, hợp lý và logic về chức năng nhiệm vụ các bộ phận, cá nhân của nhà thầu chịu trách nhiệm quản lý chất lượng;	7	
Không có quy trình quản lý chất lượng hoặc có nhưng không cụ thể, đầy đủ, hợp lý và logic.	0	
2.2. Quản lý chất lượng vật tư - Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu; - Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị; - Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu;	5	
Nhà thầu có trình bày các mục trên đầy đủ và hợp lý. Quy trình và biện pháp đảm bảo hợp lý khả thi, phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và tiêu chuẩn áp dụng, phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật công trình.	5	
Nhà thầu có trình bày các mục trên tương đối đầy đủ và hợp lý. Quy trình và biện pháp đảm bảo hợp lý khả thi, phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và tiêu chuẩn áp dụng, phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật công trình.	3,5	
Nhà thầu không trình bày hoặc có trình bày nhưng không đầy đủ. Hoặc quy trình và biện pháp đảm bảo không hợp lý, không phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và tiêu chuẩn áp dụng, không phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật công trình.	0	
2.3. Quản lý chất lượng cho từng công tác thi công - Thi công phần cọc: 1 điểm - Thi công phần móng: 1 điểm - Thi công phần chống mối: 0,5 điểm - Thi công phần kết cấu thân: 1 điểm - Thi công phần hoàn thiện: 1 điểm - Thi công phần cấp điện, chiếu sáng: 1 điểm - Thi công phần cấp thoát nước: 1 điểm - Thi công phần PCCC: 1 điểm - Thi công bể nước ngầm: 0,5 điểm - Thi công phần hệ thống mạng máy tính, điện thoại nội bộ, Camera giám sát, Âm thanh: 1 điểm - Thi công phần hệ thống điều hòa, thông gió: 1 điểm	10	
Có biện pháp đảm bảo chất lượng đối với từng hạng mục chi tiết theo đúng quy định hiện hành, hợp lý, hiệu quả phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, chỉ dẫn kỹ thuật công trình, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và tiêu chuẩn áp dụng.	10	
Có biện pháp đảm bảo chất lượng đối với từng hạng mục chi tiết theo đúng quy định hiện hành, hợp lý, hiệu quả tương đối phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, chỉ dẫn kỹ thuật công trình, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và tiêu chuẩn áp dụng.	7	
Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng đối với từng hạng mục chi tiết nhưng không hợp lý, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, không phù hợp với chỉ dẫn kỹ thuật công trình, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia và tiêu chuẩn áp dụng.	0	

Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
2.4. Sửa chữa hư hỏng	5	
Nhà thầu trình bày được quy trình, biện pháp, thời gian sửa chữa hư hỏng phù hợp, đảm bảo chất lượng.	5	
Nhà thầu trình bày được quy trình, biện pháp, thời gian sửa chữa hư hỏng tương đối phù hợp, đảm bảo chất lượng.	3,5	
Nhà thầu không trình bày hoặc trình bày nhưng không phù hợp, đảm bảo chất lượng. (Đạt 0 điểm)	0	
3. TIẾN ĐỘ THI CÔNG	10	7
3.1. Tổng tiến độ thi công		
- Thời gian thi công hoàn thành công trình: 300 ngày kể cả ngày nghỉ Lễ, Tết...	4	
- Sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công;		
- Đảm bảo tính tuần tự, liên tục của công việc, hạng mục theo quy trình thi công.		
Có bảng tiến độ thi công phù hợp với biện pháp, kỹ thuật thi công đã lập rút ngắn được tiến độ theo yêu cầu.	4	
Có bảng tiến độ thi công phù hợp với biện pháp, kỹ thuật thi công đã lập đáp ứng tiến độ yêu cầu.	2,8	
Không có hoặc có bảng tiến độ thi công nhưng không phù hợp với biện pháp, kỹ thuật thi công đã lập hoặc thời gian thi công lớn hơn yêu cầu.	0	
3.2. Biểu đồ huy động		
- Nhân sự;	3	
- Thiết bị;		
- Vật liệu chính.		
Có biểu đồ huy động nhân sự, vật liệu, thiết bị hợp lý, phù hợp tiến độ thi công đề xuất	3	
Có biểu đồ huy động nhân sự, vật liệu, thiết bị tương đối hợp lý, phù hợp tiến độ thi công đề xuất	2,1	
Không có biểu đồ huy động hoặc có biểu đồ huy động nhưng không hợp lý, không phù hợp với tiến độ thi công đề xuất.	0	
3.3. Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện.	3	
Có biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện hợp lý, hiệu quả	3	
Có biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện tương đối hợp lý, hiệu quả	2,1	
Không có biện pháp hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, hiệu quả	0	
4. VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ AN TOÀN LAO ĐỘNG	12	8,4
4.1 Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường:		
- Tiếng ồn;	4	
- Bụi và khói;		
- Rung;		
- Kiểm soát nước thải;		
- Kiểm soát rác thải, vệ sinh.		
Nhà thầu có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường đầy đủ và hợp lý.	4	
Nhà thầu có biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường tương đối đầy	2,8	

Nội dung đánh giá	Chấm điểm (với thang điểm 100)	
	Điểm tối đa	Điểm tối thiểu
đủ và hợp lý.		
Nhà thầu không có biện pháp hoặc có biện pháp nhưng chưa đầy đủ và hợp lý	0	
4.2. Phòng cháy, chữa cháy: - Quy định, quy phạm tiêu chuẩn; - Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy, nổ; - Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ.	4	
Nhà thầu có trình bày các mục trên đầy đủ và hợp lý.	4	
Nhà thầu có trình bày các mục trên tương đối đầy đủ và hợp lý.	2,8	
Nhà thầu không trình bày hoặc có trình bày nhưng không đầy đủ và hợp lý.	0	
4.3. An toàn lao động: - Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; - Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công; - An toàn giao thông ra vào công trường; - Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị.	4	
Nhà thầu có trình bày các mục trên đầy đủ và hợp lý.	4	
Nhà thầu có trình bày các mục trên tương đối đầy đủ và hợp lý	2,8	
Nhà thầu không trình bày hoặc có trình bày nhưng không đầy đủ, hợp lý.	0	
5. BẢO HÀNH	5	3,5
Có phương án bảo hành hợp lý, kịp thời, thời gian bảo hành > 12 tháng. (đối với mỗi tháng tăng thêm so với 12 tháng sẽ được cộng thêm 0,1 điểm nhưng không vượt quá tổng 5 điểm)	5	
Có phương án bảo hành hợp lý, kịp thời, thời gian bảo hành 12 tháng.	3,5	
Không có phương án bảo hành hợp lý hoặc thời gian bảo hành dưới 12 tháng.	0	
6. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG GÓI THẦU XÂY LẮP	3	
Không có hợp đồng nào bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định 214/2025/NĐ-CP	3	
Có hợp đồng bị đánh giá về uy tín trong việc tham dự thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định 214/2025/NĐ-CP, đồng thời phải thực hiện bảo đảm dự thầu theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định 214/2025/NĐ-CP	0	
Tổng cộng	100	70